

Số: 51/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương
năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ NĂM
(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2026/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Về việc giao bổ sung dự toán ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 và Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I năm 2025 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 147/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán vốn đầu tư công và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 7619/QĐ-BCA ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 172/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 197/BC-HĐND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Tổng số kinh phí phân bổ: 42.000 triệu đồng (*thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương*).

2. Phân bổ cho 07 dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030, gồm:

- Dự án 1. Phòng ngừa, đấu tranh tội phạm về ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia: 5.150 triệu đồng.

- Dự án 4. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy ở cơ sở: 24.976 triệu đồng.

- Dự án 5. Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện: 2.610 triệu đồng.

- Dự án 6. Tăng cường, đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy: 1.475 triệu đồng.

- Dự án 7. Truyền thông, giáo dục về phòng, chống ma túy: 6.887 triệu đồng.

- Dự án 8. Nâng cao khả năng tiếp cận, thụ hưởng về dịch vụ trợ giúp pháp lý chất lượng và giáo dục pháp luật trong phòng, chống ma túy: 429 triệu đồng.

- Dự án 9. Quản lý, giám sát, đánh giá Chương trình: 473 triệu đồng.

(Có biểu phương án phân bổ chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, kỳ họp thứ năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Tuyên Quang;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi

PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG MA TÚY ĐẾN NĂM 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026							
		Tổng cộng	Trong đó						
			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG	42.000	5.150	24.976	2.610	1.475	6.887	429	473
A	Khối tỉnh	17.024	5.150	0	2.610	1.475	6.887	429	473
1	Công an tỉnh	11.883	5.150		2.610		3.970		153
2	Sở Y tế	1.565				1.475	10		80
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	450					370		80
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.617					2.537		80
5	Sở Tư pháp	509						429	80
B	Các xã, phường	24.976	0	24.976	0	0	0	0	0
1	Xã Thượng Lâm	141		141					
2	Xã Lâm Bình	141		141					
3	Xã Minh Quang	141		141					
4	Xã Bình An	141		141					
5	Xã Côn Lôn	141		141					
6	Xã Yên Hoa	212		212					
7	Xã Thượng Nông	212		212					
8	Xã Hồng Thái	212		212					
9	Xã Nà Hang	282		282					
10	Xã Tân Mỹ	212		212					
11	Xã Yên Lập	212		212					
12	Xã Tân An	212		212					
13	Xã Chiêm Hóa	282		282					
14	Xã Hòa An	212		212					
15	Xã Kiên Đài	282		282					
16	Xã Tri Phú	212		212					
17	Xã Kim Bình	212		212					
18	Xã Yên Nguyên	212		212					
19	Xã Trung Hà	212		212					
20	Xã Yên Phú	212		212					
21	Xã Bạch Xa	141		141					
22	Xã Phù Lưu	212		212					
23	Xã Hàm Yên	212		212					
24	Xã Bình Xa	212		212					
25	Xã Thái Sơn	212		212					
26	Xã Thái Hòa	212		212					
27	Xã Hùng Đức	141		141					
28	Xã Hùng Lợi	212		212					
29	Xã Trung Sơn	212		212					
30	Xã Thái Bình	282		282					
31	Xã Tân Long	212		212					
32	Xã Xuân Vân	212		212					

STT	Nội dung	Phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026							
		Tổng cộng	Trong đó						
			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	Xã Lục Hành	212		212					
34	Xã Yên Sơn	212		212					
35	Xã Nhữ Khê	212		212					
36	Xã Kiến Thiết	212		212					
37	Xã Tân Trào	212		212					
38	Xã Minh Thanh	212		212					
39	Xã Sơn Dương	212		212					
40	Xã Bình Ca	212		212					
41	Xã Tân Thanh	212		212					
42	Xã Sơn Thủy	212		212					
43	Xã Phú Lương	212		212					
44	Xã Trường Sinh	282		282					
45	Xã Hồng Sơn	282		282					
46	Xã Đông Thọ	188		188					
47	Phường Mỹ Lâm	282		282					
48	Phường Minh Xuân	282		282					
49	Phường Nông Tiến	212		212					
50	Phường An Tường	212		212					
51	Phường Bình Thuận	212		212					
52	Xã Lũng Cú	212		212					
53	Xã Đồng Văn	141		141					
54	Xã Sà Phìn	212		212					
55	Xã Phố Bàng	141		141					
56	Xã Lũng Phìn	282		282					
57	Xã Sùng Máng	141		141					
58	Xã Sơn Vĩ	212		212					
59	Xã Mèo Vạc	212		212					
60	Xã Khâu Vai	212		212					
61	Xã Niêm Sơn	212		212					
62	Xã Tát Ngà	212		212					
63	Xã Thắng Mố	141		141					
64	Xã Bạch Đích	212		212					
65	Xã Yên Minh	212		212					
66	Xã Mậu Duệ	212		212					
67	Xã Ngọc Long	212		212					
68	Xã Du Già	141		141					
69	Xã Đường Thượng	212		212					
70	Xã Lũng Tám	212		212					
71	Xã Cán Tỷ	141		141					
72	Xã Nghĩa Thuận	141		141					
73	Xã Quân Bạ	212		212					
74	Xã Tùng Vài	141		141					
75	Xã Yên Cường	212		212					
76	Xã Đường Hồng	282		282					
77	Xã Bắc Mê	282		282					
78	Xã Giáp Trung	212		212					
79	Xã Minh Sơn	141		141					
80	Xã Minh Ngọc	212		212					
81	Xã Ngọc Đường	212		212					

STT	Nội dung	Phương án phân bổ chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026							
		Tổng cộng	Trong đó						
			Dự án 1	Dự án 4	Dự án 5	Dự án 6	Dự án 7	Dự án 8	Dự án 9
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
82	Phường Hà Giang 1	282		282					
83	Phường Hà Giang 2	282		282					
84	Xã Lao Chải	141		141					
85	Xã Thanh Thủy	141		141					
86	Xã Minh Tân	282		282					
87	Xã Thuận Hòa	212		212					
88	Xã Tùng Bá	212		212					
89	Xã Phú Linh	282		282					
90	Xã Linh Hồ	212		212					
91	Xã Bạch Ngọc	141		141					
92	Xã Vị Xuyên	141		141					
93	Xã Việt Lâm	141		141					
94	Xã Cao Bồ	141		141					
95	Xã Thượng Sơn	141		141					
96	Xã Tân Quang	212		212					
97	Xã Đồng Tâm	212		212					
98	Xã Liên Hiệp	212		212					
99	Xã Bằng Hành	212		212					
100	Xã Bắc Quang	282		282					
101	Xã Hùng An	212		212					
102	Xã Vĩnh Tuy	282		282					
103	Xã Đồng Yên	212		212					
104	Xã Tiên Yên	212		212					
105	Xã Xuân Giang	212		212					
106	Xã Bằng Lang	212		212					
107	Xã Yên Thành	212		212					
108	Xã Quang Bình	212		212					
109	Xã Tân Trính	212		212					
110	Xã Tiên Nguyên	141		141					
111	Xã Thông Nguyên	141		141					
112	Xã Hồ Thầu	141		141					
113	Xã Nậm Dịch	141		141					
114	Xã Tân Tiến	212		212					
115	Xã Hoàng Su Phì	212		212					
116	Xã Thành Tín	141		141					
117	Xã Bản Máy	141		141					
118	Xã Pờ Ly Ngải	141		141					
119	Xã Xín Mần	141		141					
120	Xã Pà Vầy Sủ	212		212					
121	Xã Nám Dẩn	141		141					
122	Xã Trung Thịnh	141		141					
123	Xã Quảng Nguyên	141		141					
124	Xã Khuôn Lùng	141		141					